

THÁNG 04. 2025

*Lưu hành nội bộ*

# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO

## SỐ 58



**A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:****I. GIÁ GẠO TRONG THÁNG 04:** (Nguồn Oryza.com)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T03.25	So T04.24
<b>THÁI LAN</b>	Gạo trắng 100% B	403	419	409	-1	-184
	5% tấm	393	410	399	-	-182
	25% tấm	369	384	375	-2	-159
	Hom Mali 92%	943	988	959	+46	+123
	Gạo đỏ 100% Stxd	406	421	413	-4	-167
	A1 Super	336	348	342	-3	-121
<b>VIỆT NAM</b>	5% tấm	394	403	398	+9	-182
	25% tấm	367	374	371	+7	-185
	Jasmine	567	584	577	+23	-90
	100% tấm	316	327	320	+13	-160
<b>ẤN ĐỘ</b>	5% tấm	374	389	380	-5	N/a
	25% tấm	358	375	365	-6	N/a
	Gạo đỏ 5% Stxd	374	390	380	-6	-165
	100% tấm Stxd	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
<b>PAKISTAN</b>	5% tấm	387	395	391	+14	-199
	25% tấm	358	368	362	+12	-189
	100% tấm Stxd	314	323	319	+13	-143
<b>MIỀN ĐIỆN</b>	5% tấm	387	417	396	-17	-223
<b>MỸ</b>	4% tấm	671	680	676	+2	-123
	15% tấm (Sacked)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
	Gạo đỏ 4% tấm	777	781	779	+2	-41
	Calrose 4%	776	782	778	+2	-125

**II. SỰ KIỆN TRONG THÁNG:****1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T04.2025	Sản lượng 2025/26	So 2024/25	Thương mại 2025/26	So 2024/25 2025/26	Tồn kho cuối kỳ 2025/26	So 2024/25
IGC	540,0	+0,56%	60,0	+3,45%	180,0	+1,12%
USDA	515,4	+1,99%	58,5	-2,17%	179,5	-0,66%
FAO	543,3	+1,59%	60,0	+1,01%	205,9	+3,26%

**2. Dự báo tình hình xuất khẩu toàn cầu niên vụ 2025/2026:**  
(Theo USDA đến ngày 10/05/2024; ĐVT: triệu tấn)

Nước xuất khẩu	2022/23	2023/24	2024/25	2025/26 (T3.2025)	2025/26 (T4.2025)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
Ấn Độ	17,733	17,300	17,800	22,500	24,500	+2,000	+6,081
Thái Lan	8,736	10,000	10,000	7,700	7,500	-0,200	-2,500
Việt Nam	8,225	9,000	9,035	7,500	7,500	-	-1,535
Pakistan	4,528	6,400	6,479	5,300	5,500	+0,200	-0,992
Campuchia	3,000	3,700	3,700	3,400	3,600	+0,200	-0,100
Trung Quốc	1,602	1,150	1,115	1,000	0,900	-0,100	-0,215
Mỹ	2,397	3,170	3,250	3,125	3,075	-0,050	-0,175
Các nước khác	7,621	8,504	8,397	7,974	7,159	-0,815	-0,757
<b>Cả Thế giới</b>	<b>53,842</b>	<b>59,224</b>	<b>59,776</b>	<b>58,499</b>	<b>59,734</b>	<b>+1,235</b>	<b>-0,193</b>

**3. Dự báo tình hình nhập khẩu toàn cầu niên vụ 2025/2026:**  
(Theo USDA đến ngày 10/05/2025; ĐVT: triệu tấn)

Nước nhập khẩu	2022/23	2023/24	2024/25	2025/26 (T3.2025)	2025/26 (T4.2025)	So với tháng trước	So với cùng kỳ
Philippines	3,900	5,300	5,300	5,400	5,400	-	-0,050
Trung Quốc	2,597	1,400	1,625	2,200	2,200	-	+0,575
Indonesia	3,500	4,250	4,600	0,800	0,800	-	-3,850
Nigeria	2,000	2,400	2,400	2,550	2,800	+0,250	+0,100

Iraq	1,845	2,150	2,150	<b>2,200</b>	<b>2,200</b>	-	+0,075
Bờ Biển Ngà	1,313	1,550	1,616	<b>1,650</b>	<b>1,800</b>	+0,150	+0,184
Saudi Arabia	1,487	1,750	1,750	<b>1,750</b>	<b>1,850</b>	+0,100	+0,075
Senegal	1,300	1,400	1,400	<b>1,400</b>	<b>1,500</b>	+0,100	+0,100
Malaysia	1,410	1,850	1,750	<b>1,500</b>	<b>1,500</b>	-	-0,195
Iran	0,751	0,800	0,750	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	-	+0,250
Liên Minh Châu Âu	2,183	2,300	2,350	<b>2,250</b>	<b>2,250</b>	-	-0,161
<i>Các nước khác</i>	<i>35,456</i>	<i>39,374</i>	<i>39,385</i>	<i>41,199</i>	<i>41,834</i>	<i>+0,635</i>	<i>+2,654</i>
<b>Cả Thế giới</b>	<b>53,842</b>	<b>59,224</b>	<b>59,776</b>	<b>58,499</b>	<b>59,734</b>	<b>+1,235</b>	<b>-0,193</b>

#### **4. Các thị trường chính:**

Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), giá xuất khẩu bình quân gia quyền gạo trắng toàn cầu, kết thúc tháng 4 ở mức 446 USD/tấn, giảm 7 USD/tấn so với tháng trước và giảm 199 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (IGC) vừa công bố triển vọng mới nhất cho thị trường gạo toàn cầu niên vụ 2024/25, dự báo sản xuất và tiêu thụ đạt mức cao kỷ lục. Sự gia tăng này chủ yếu nhờ sản lượng tăng từ các nước xuất khẩu lớn như Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan và Trung Quốc. Tồn kho cuối kỳ cũng được dự báo đạt mức cao nhất mọi thời đại, chủ yếu do lượng dự trữ tăng tại Trung Quốc và Ấn Độ. Mặc dù vậy, thương mại gạo toàn cầu được dự báo duy trì ổn định quanh mức 57 triệu tấn, với nhập khẩu tăng từ Trung Quốc bù đắp cho nhu cầu giảm từ Indonesia.

Sang niên vụ 2025/26, diện tích thu hoạch được kỳ vọng tăng nhẹ, chủ yếu tại châu Á. Sản xuất và tiêu thụ tiếp tục xu hướng tăng, dù tiến độ sẽ phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết thuận lợi. Trong khi đó, Chỉ số Gạo của IGC giảm 3% so với tháng trước, phản ánh tâm lý thị trường giảm giá trong bối cảnh kỳ vọng sản lượng dồi dào và mức giá cạnh tranh từ các nhà sản xuất lớn.

Trong Báo cáo Triển vọng Gạo tháng 4/2025 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), bức tranh cho niên vụ 2024/25 có nhiều biến động. Tại Hoa Kỳ, nhập khẩu giảm 1 triệu cwt do lượng gạo hạt trung bình và hạt ngắn từ Trung Quốc vào Puerto Rico giảm, trong khi xuất khẩu bị cắt giảm 1,5 triệu cwt do nhu cầu gạo hạt dài từ Mỹ Latinh yếu. Ở thị trường nội địa, mức tiêu dùng đạt kỷ lục 169 triệu cwt, thúc đẩy nhu cầu và kéo tồn kho cuối kỳ xuống còn 44,5 triệu cwt, dù vậy vẫn là mức cao nhất kể từ niên vụ 2018/19. Dự báo giá không thay đổi.

Trên toàn cầu, sản lượng gạo được dự báo đạt mức kỷ lục 535,8 triệu tấn, với mức tăng từ Ấn Độ, Indonesia, Campuchia và Brazil. Tiêu thụ toàn cầu cũng được kỳ vọng đạt mức cao mới, chủ yếu nhờ nhu cầu tại khu vực châu Phi hạ

Sahara. Tồn kho cuối kỳ dự kiến tăng lên 183,2 triệu tấn, và thương mại gạo thế giới được dự báo duy trì quanh mức cao kỷ lục 59,7 triệu tấn. Mặc dù giá gạo nhìn chung đang giảm do mùa vụ mạnh ở Ấn Độ và Thái Lan, giá gạo hạt dài của Hoa Kỳ lại ghi nhận mức tăng.

### **THÁI LAN:**

Giá gạo tám 5% của Thái Lan kết thúc tháng 4 ở mức khoảng 408 USD/tấn, tăng khoảng 7 USD/tấn so với tháng trước nhưng giảm khoảng 174 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thái Lan đang đẩy mạnh nỗ lực tăng xuất khẩu thức ăn thú cưng và gạo sang Hoa Kỳ trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ – Trung mở ra các cơ hội thị trường mới. Khi nhập khẩu thức ăn thú cưng của Mỹ từ Trung Quốc giảm, Thái Lan đang tận dụng cơ hội này bằng cả chiến lược ngắn hạn và dài hạn. Tuy nhiên, ngành gạo của Thái Lan lại đối mặt với hàng loạt thách thức, bao gồm giá toàn cầu giảm, mức thuế 36% do Hoa Kỳ áp đặt, và sự cạnh tranh mạnh từ gạo Việt Nam có giá rẻ hơn. Kết quả là xuất khẩu gạo của Thái Lan đã giảm 30% trong đầu năm 2025. Để ứng phó, chính phủ tìm cách tăng cường quan hệ thương mại với Hoa Kỳ bằng việc nhập khẩu thêm hàng hóa Mỹ và nói lỏng rào cản thương mại, đồng thời thận trọng trước nguy cơ nông sản giá rẻ từ Trung Quốc tràn vào gây thiệt hại cho nông dân trong nước.

Những tháng đầu năm 2025 chứng kiến sự sụt giảm mạnh trong xuất khẩu gạo của Thái Lan, với lượng xuất khẩu giảm 30% so với cùng kỳ trong quý I và giảm 19,31% từ tháng 1 đến giữa tháng 4. Nguyên nhân chủ yếu là đồng baht mạnh, nhu cầu yếu từ các thị trường trọng điểm như Philippines, và giá chào bán cạnh tranh từ Ấn Độ, nước đã quay lại thị trường với mức giá thấp hơn Thái Lan khoảng 40 USD/tấn. Điều này trái ngược với năm 2024, khi lệnh hạn chế xuất khẩu của Ấn Độ từng tạo điều kiện giúp xuất khẩu gạo Thái Lan tăng mạnh. Nay bối cảnh thị trường thay đổi đang đe dọa mục tiêu xuất khẩu 7,5 triệu tấn và vị thế nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới của Thái Lan. Các doanh nghiệp xuất khẩu cũng lo ngại về khả năng Mỹ tăng thuế và chi phí vận chuyển tăng cao. Để ứng phó, Thái Lan đang đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế, bao gồm sự kiện “Thailand Rice Convention 2025” nhằm bảo vệ thị phần trước sự cạnh tranh ngày càng tăng từ Việt Nam.

Trong niên vụ 2025/26, sản lượng gạo của Thái Lan được dự báo giảm 6% xuống còn 19,5 triệu tấn do diện tích gieo trồng giảm và tình trạng thiếu nước kéo dài, đặc biệt tại vùng Đồng bằng Trung bộ. Tiêu thụ nội địa dự kiến duy trì ổn định ở mức 12,5 triệu tấn nhờ nhu cầu bền vững từ hộ gia đình và ngành công nghiệp. Mặc dù xuất khẩu được dự báo đạt 8,5 triệu tấn, thấp hơn một chút

so với năm trước — các doanh nghiệp sẽ dựa vào lượng tồn kho chuyển sang để đáp ứng nhu cầu thị trường thế giới. Tuy nhiên, sự cạnh tranh ngày càng mạnh từ Ấn Độ và Việt Nam vẫn là mối lo ngại lớn. Tồn kho gạo được dự báo giảm xuống còn khoảng 4 triệu tấn, phản ánh sản lượng thấp hơn và xuất khẩu duy trì ở mức cao. Để ứng phó, chính sách của chính phủ tiếp tục nhấn mạnh ổn định nguồn cung trong nước và hỗ trợ nông dân thông qua chi trả trực tiếp và các gói khuyến khích nhằm thúc đẩy sản xuất những giống gạo có nhu cầu cao và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

### **ẤN ĐỘ:**

Giá gạo tám 5% của Ấn Độ kết thúc tháng 4 ở mức khoảng 381 USD/tấn, giảm khoảng 6 USD/tấn so với tháng trước.

Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 3 năm 2025, Ấn Độ đã xuất khẩu 19,865 triệu tấn gạo, tăng 21,4% so với 16,358 triệu tấn của năm tài khóa trước. Trong bản báo cáo gửi Thượng viện Rajya Sabha, Bộ trưởng Nhà nước phụ trách Lương thực và Các vấn đề Người tiêu dùng cho biết chính phủ đang theo dõi chặt chẽ thương mại nông sản để bảo đảm an ninh lương thực. Xuất khẩu gạo basmati, gạo đỏ và gạo trắng phi basmati đều tăng đáng kể, trong khi xuất khẩu gạo tám tăng mạnh 44,8% so với cùng kỳ. Bộ trưởng cũng cho biết Ấn Độ sản xuất 5–6 triệu tấn gạo tám mỗi năm, phục vụ các ngành chăn nuôi gia cầm, thức ăn chăn nuôi và pha trộn ethanol.

Tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2025, lượng dự trữ gạo của Ấn Độ đạt 63,1 triệu tấn, tăng 18,72% so với năm trước và vượt xa mức dự trữ bắt buộc 13,85 triệu tấn cho quý 2. Nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động thu mua của chính phủ duy trì ổn định và lệnh cấm xuất khẩu gạo được ban hành từ tháng 7 năm 2023. Mặc dù tồn kho gạo và lúa mì giảm nhẹ so với tháng 3 năm 2025, tổng dự trữ lương thực – gồm gạo, lúa mì và ngũ cốc thô vẫn đạt 75,025 triệu tấn, tăng 23% so với cùng kỳ.

Dữ liệu chi tiết do Bộ trưởng cung cấp tổng lượng gạo xuất khẩu năm tài khóa 2024–25, trong đó có 5,944 triệu tấn gạo basmati, 9 triệu tấn gạo đỏ, 3,23 triệu tấn gạo trắng phi basmati, 795.000 tấn gạo tám và 759.000 tấn các loại khác.

Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2025, chính phủ đã thu mua 45,73 triệu tấn lúa vụ Kharif cho mùa vụ 2024–25, cao hơn 1% so với năm trước nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu 49,56 triệu tấn. Lượng này chiếm 38% trong tổng 120,68 triệu tấn sản lượng Kharif ước tính. Thu mua lúa vụ Rabi bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2025, với mục tiêu 7 triệu tấn trên tổng sản lượng Rabi ước tính 15,76 triệu

tấn. Khối lượng thu mua thấp hơn được kỳ vọng sẽ giúp quản lý tồn kho hiệu quả hơn.

### **CAMPUCHIA:**

Trong quý I năm 2025, Campuchia xuất khẩu 211.058 tấn gạo xay xát, trị giá 160,5 triệu USD, theo Liên đoàn Gạo Campuchia (CRF). Tổng cộng 47 doanh nghiệp xuất khẩu sang 55 thị trường, trong đó Trung Quốc tiếp tục là khách hàng chủ lực với 37.821 tấn. Gạo thơm chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 81,38% tổng lượng xuất khẩu, tiếp theo là gạo trắng (13,6%), gạo japonica (2,6%), gạo đỏ (1,93%) và gạo hữu cơ (0,49%).

### **MIỀN ĐIỆN:**

Sản lượng lúa của Miền Điện trong năm 2024 được dự báo giảm 3,7% so với năm trước, xuống còn 27,7 triệu tấn, theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO). Nguyên nhân chủ yếu là trận động đất mạnh 7,7 độ xảy ra vào tháng 3 năm 2025, gây thiệt hại nặng nề cho các vùng sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng. Dù vụ lúa chính chiếm khoảng 80% sản lượng hàng năm, đã được thu hoạch trước động đất, vụ phụ bị gián đoạn và mùa gieo trồng sắp tới có thể cũng bị ảnh hưởng do thiếu vật tư nông nghiệp quan trọng. Mặc dù vậy, xuất khẩu ngũ cốc của Miền Điện vẫn được dự báo đạt 3,6 triệu tấn, trong đó có 2 triệu tấn gạo. Giá gạo Emata vẫn ở mức cao do thiệt hại từ bão trước đó, chi phí đầu vào và vận tải tăng, xung đột kéo dài và tác động từ động đất.

Trong năm tài khóa 2024/25, Miền Điện đã xuất khẩu hơn 2,4 triệu tấn gạo và gạo tấm, tăng 50% so với năm trước, theo Liên đoàn Gạo Miền Điện. Doanh thu xuất khẩu tăng khoảng 30%, vượt 1,1 tỷ USD. Hoạt động xuất khẩu qua cả đường bộ và đường biển đến hơn 30 quốc gia, bao gồm Trung Quốc, Tây Ban Nha, Ba Lan và Bỉ.

Trong niên vụ 2025/26, báo cáo của USDA Post dự báo sản lượng gạo sẽ phục hồi lên 12,5 triệu tấn nhờ năng suất cải thiện, diện tích thu hoạch tăng và khả năng tiếp cận giống chất lượng cao tốt hơn sau đợt lũ nghiêm trọng năm 2024. Tiêu thụ nội địa được dự báo giảm nhẹ xuống còn 10,0 triệu tấn do di cư, du lịch suy giảm và thay đổi khẩu phần tại khu vực đô thị. Xuất khẩu được dự báo tăng lên 2,2 triệu tấn nhờ sản lượng phục hồi, quy định ngoại hối nới lỏng và nhu cầu trong nước giảm. Tuy nhiên, phần lớn gạo xuất khẩu hiện phải vận chuyển bằng đường biển do rủi ro an ninh biên giới kéo dài. Tồn kho cuối kỳ được dự báo tăng lên 654.000 tấn. Các chính sách quản lý bao gồm đặt giá tham chiếu thấp cho lúa thô, cung cấp hạn chế tín dụng cho nông dân, kiểm soát

giá phân bón, áp dụng quy định bắt buộc chuyển đổi ngoại tệ và yêu cầu đăng ký kho chứa nhằm tăng cường quản lý.

**PAKISTAN:**

Giá gạo 5% tấm của Pakistan kết thúc tháng 4 ở mức khoảng 389 USD/tấn, giảm khoảng 4 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 191 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Bất chấp biến động trên thị trường toàn cầu và việc Ấn Độ dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo vào tháng 9 năm 2024, ngành gạo Pakistan vẫn đạt kết quả ấn tượng nhờ tập trung vào chất lượng và đổi mới thay vì cạnh tranh bằng giá rẻ. Từ tháng 7 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025, xuất khẩu gạo của Pakistan tăng 21,78%. Pakistan hiện chiếm 67% thị phần gạo basmati xát dôi tại EU và Anh, hưởng mức giá cao tại UAE và Iran, đồng thời ghi nhận mức tăng đáng kể ở xuất khẩu gạo phi basmati. Sự tăng trưởng này được hỗ trợ bởi đồng nội tệ ổn định, logistics hiệu quả và chiến lược tiếp cận thị trường có trọng tâm. Tuy nhiên, các chuyên gia cảnh báo rằng để duy trì đà tăng trưởng, Pakistan cần đa dạng hóa, thích ứng khí hậu và tiếp tục đầu tư vào chất lượng cũng như nghiên cứu phát triển.

Trong bối cảnh căng thẳng khu vực gia tăng, Pakistan đang chuẩn bị các biện pháp pháp lý và ngoại giao nhằm đáp trả quyết định của Ấn Độ đình chỉ Hiệp ước Nước Indus (IWT), thỏa thuận chia sẻ nguồn nước được duy trì từ năm 1960. Islamabad coi việc đình chỉ IWT là vi phạm luật pháp quốc tế và đang xem xét hành động thông qua Ngân hàng Thế giới, Tòa Trọng tài Thường trực, Tòa án Công lý Quốc tế và có thể cả Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Giới chuyên gia cảnh báo rằng bất kỳ sự gián đoạn lâu dài nào đối với dòng chảy sông ngòi đều có thể gây thiệt hại nghiêm trọng cho nông nghiệp và thủy điện của Pakistan, làm trầm trọng thêm căng thẳng song phương.

Song song đó, USDA Post đã cập nhật triển vọng gạo của Pakistan. Sản lượng năm 2024/25 được điều chỉnh giảm do diện tích gieo trồng thu hẹp và năng suất bị ảnh hưởng bởi nắng nóng. Tiêu thụ nội địa được dự báo tăng nhẹ lên 4,1 triệu tấn, trong khi xuất khẩu được dự báo đạt 5,8 triệu tấn, thấp hơn một chút so với kỷ lục trước đó nhưng vẫn ở mức cao. Tồn kho cuối kỳ dự kiến giảm xuống còn 938.000 tấn so với 1,354 triệu tấn của năm trước.

Bước sang niên vụ 2025/26, sản lượng được dự báo tăng nhẹ lên 9,8 triệu tấn, nhờ mở rộng diện tích và năng suất tốt hơn, đặc biệt ở các giống lúa lai phi basmati. Tiêu thụ dự kiến tăng lên 4,2 triệu tấn, với gạo vẫn giữ vai trò thứ yếu so với lúa mì. Xuất khẩu được dự báo ổn định ở mức 5,8 triệu tấn, được hỗ trợ bởi giá cạnh tranh và nhu cầu mạnh từ Đông Nam Á và Bangladesh. Dù kết quả

xuất khẩu đầu năm khá tích cực với gạo basmati tiếp tục giữ giá cao và gạo phi basmati có mức giá hấp dẫn — Pakistan vẫn đối mặt với thách thức tại EU do vi phạm giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL), dẫn đến các biện pháp kiểm soát chất lượng khắt khe hơn và lệnh cấm methyl bromide. Chính phủ tập trung hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu duy trì thị trường, tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng và tránh can thiệp quá sâu vào giá cả hoặc sản xuất.

### **INDONESIA:**

Indonesia được dự báo sẽ tự chủ lúa gạo ít nhất đến năm 2026, với lượng dự trữ trong nước dự kiến vượt 3 triệu tấn vào cuối tháng 4, theo Bộ trưởng Điều phối phụ trách các vấn đề lương thực. Tổng thống Joko Widodo đã cho phép xuất khẩu gạo sang các quốc gia có nhu cầu, đồng thời khuyến cáo thương nhân giữ giá bán hợp lý, chỉ bao gồm chi phí sản xuất, vận chuyển và hành chính, không đặt mục tiêu lợi nhuận quá cao.

Bộ trưởng Nông nghiệp xác nhận rằng mức dự trữ gạo dự kiến 3 triệu tấn vào tháng 4 năm 2025 sẽ là mức cao nhất trong hai thập kỷ. Phát biểu tại một sự kiện thu hoạch ở Tây Java, ông cho biết sản lượng nông nghiệp trong quý I năm 2025 tăng 52%, trong khi lượng thu mua gạo của Cơ quan Lương thực Quốc gia (Bulog) tăng vọt 2.000%. Những kết quả này là nhờ chương trình mở rộng phân bón, hiện đại hóa thiết bị nông nghiệp, cải thiện quy định và tăng khả năng tiếp cận giống tốt.

Theo dữ liệu từ Cơ quan Thống kê, sản lượng lúa của Indonesia trong năm tháng đầu năm 2025 được dự báo đạt 28,85 triệu tấn (tương đương 16,62 triệu tấn gạo xay), tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích thu hoạch lúa từ tháng 1 đến tháng 5 dự kiến tăng 13,29% lên 5,47 triệu ha, trong khi sản lượng từ tháng 2 đến tháng 4 được dự báo tăng 25% so với năm trước.

### **PHILIPPINES:**

Chính phủ Philippines sẽ bắt đầu bán gạo trợ giá vào tháng 5 năm 2025, với mức giá khoảng 20 peso (0,36 USD)/kg, thấp bằng một nửa giá thị trường nhằm hỗ trợ các hộ gia đình thu nhập thấp. Chương trình, dự kiến tiêu tốn khoảng 10 tỷ peso (177,2 triệu USD), sẽ kéo dài đến tháng 12 và tập trung tại khu vực Metro Manila cùng các vùng nghèo hơn ở miền Trung Philippines. Nguồn gạo sử dụng cho chương trình bao gồm ít nhất 370.000 tấn gạo tồn kho lâu năm của Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA). Tuy nhiên, việc triển khai có thể bị trì hoãn đến sau cuộc bầu cử ngày 12 tháng 5, do cần được Ủy ban Bầu cử phê duyệt miễn trừ khỏi lệnh hạn chế chi tiêu của chính quyền địa phương. Động thái này diễn ra sau khi giá gạo giảm từ mức cao nhất trong 15 năm vào

năm 2024, được hỗ trợ bởi sản lượng trong nước tăng, hướng tới mục tiêu 20,4 triệu tấn.

Tính đến ngày 1 tháng 3 năm 2025, lượng dự trữ gạo của Philippines đạt 1,612 triệu tấn, tăng 18% so với 1,37 triệu tấn cùng kỳ năm trước, theo Cơ quan Thống kê Philippines. Tuy nhiên, con số này giảm 19,6% so với 2 triệu tấn ghi nhận ngày 1 tháng 2. Trong tổng lượng dự trữ, 784.500 tấn nằm ở các hộ gia đình, 527.780 tấn trong các kho thương mại và 299.860 tấn của NFA.

Theo Cơ quan Kinh tế và Phát triển Quốc gia (NEDA), Philippines dự kiến nhập khẩu khoảng 3,45 triệu tấn gạo trong năm 2025. Biện pháp này nhằm bù đắp thiếu hụt trong sản xuất nội địa và đảm bảo có đủ lượng dự trữ trong suốt cả năm. Dù sản xuất gạo nội địa được kỳ vọng tăng, Philippines vẫn phụ thuộc lớn vào nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

### **TRUNG QUỐC:**

USDA Post đã công bố bảng cân đối gạo mới nhất của Trung Quốc. Sản lượng gạo trong niên vụ 2025/26 được dự báo tăng nhẹ lên 146 triệu tấn, so với mức 145,27 triệu tấn ước tính của niên vụ 2024/25. Mức tăng này chủ yếu nhờ diện tích gieo trồng ổn định và năng suất được cải thiện, phù hợp với các chính sách của chính phủ nhằm tăng cường an ninh lương thực và nâng cao năng suất sản xuất.

### **HÀN QUỐC:**

Theo USDA Post dự báo về ngành gạo Hàn Quốc, sản lượng tiếp tục giảm xuống còn 3,5 triệu tấn vào niên vụ 2025/26, do chính phủ thúc đẩy giảm diện tích trồng lúa thông qua các biện pháp phạt và khuyến khích chuyển đổi sang cây trồng thay thế. Tiêu thụ cũng được dự báo giảm do thay đổi nhân khẩu học và thói quen ăn uống, mặc dù lượng gạo sử dụng cho chế biến tăng nhẹ. Nhập khẩu dự kiến duy trì ổn định theo hệ thống hạn ngạch thuế quan (TRQ) của WTO, theo đó Hàn Quốc phải nhập 408.000 tấn mỗi năm với mức thuế 5%, trong khi thuế ngoài hạn ngạch vẫn rất cao ở mức 513%. Việc bán đấu giá gạo Hoa Kỳ đang bị đình chỉ nên hoạt động xuất khẩu của Hoa Kỳ gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, xuất khẩu của Hàn Quốc được dự báo tăng lên 200.000 tấn, chủ yếu thông qua mở rộng chương trình viện trợ lương thực cho 17 quốc gia, bao gồm Yemen, Ethiopia và Bangladesh.

### **BANGLADESH:**

Chính phủ Bangladesh có kế hoạch thu mua 1,5 triệu tấn gạo và 500.000 tấn lúa từ vụ Boro 2025, theo TBS News. Giới chức Bộ Lương thực và Bộ Nông nghiệp dự báo giá thu mua năm nay sẽ cao hơn so với vụ trước. Các chỉ tiêu và

mức giá thu mua được thống nhất tại cuộc họp của Ủy ban Lập kế hoạch và Giám sát Lương thực, dưới sự chủ trì của Cố vấn Tài chính ngày 9 tháng 4. Trong vụ Boro 2024, chính phủ đặt mục tiêu thu mua 1,1 triệu tấn gạo đỏ, 100.000 tấn gạo Atap và 500.000 tấn lúa. Giá thu mua cho vụ 2025 được ấn định ở mức 32 taka/kg (khoảng 288 USD/tấn) đối với lúa Boro, 45 taka/kg (khoảng 406 USD/tấn) đối với gạo đỏ và 44 taka/kg (khoảng 397 USD/tấn) đối với gạo Atap.

USDA Post dự báo sản lượng gạo của Bangladesh trong niên vụ 2025/26 đạt 37,55 triệu tấn, tăng 2,6% so với năm trước, với diện tích thu hoạch 11,75 triệu ha. Nhập khẩu gạo dự kiến giảm 25% còn 600.000 tấn nhờ sản lượng trong nước tăng lên sau khi thuế nhập khẩu tạm thời được giảm. Tiêu thụ được dự báo tăng nhẹ lên 38 triệu tấn. Giá gạo đạt mức cao kỷ lục vào đầu năm 2025, với giá gạo thường trung bình 52,9 taka (0,44 USD)/kg trong tháng 2, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước. Để ứng phó biến động giá, chính phủ đã tăng cường thu mua gạo thông qua đấu thầu mở và các thỏa thuận G2G. Tồn kho cuối kỳ niên vụ 2025/26 được dự báo đạt 1,567 triệu tấn, tăng so với 1,422 triệu tấn của vụ trước, dù lượng tồn kho có thể biến động tùy thuộc mức độ thu mua của chính phủ. Trong vụ aman 2024/25, các mục tiêu thu mua không đạt được do giá thị trường cao hơn, dẫn đến việc giảm lượng lúa được thu mua.

### **NHẬT BẢN:**

Nhật Bản đang chuẩn bị cho vòng đàm phán thuế quan thứ hai với Hoa Kỳ, dự kiến diễn ra từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 2 tháng 5 năm 2025. Các cuộc thảo luận sẽ tập trung vào những lĩnh vực chủ chốt như ô tô, nông sản (bao gồm gạo) và các rào cản phi thuế quan. Bộ trưởng Tăng trưởng Kinh tế Ryozi Akazawa sẽ dẫn đầu đoàn Nhật Bản, và Tokyo có thể đề xuất tăng lượng gạo nhập khẩu từ Hoa Kỳ. Tuy nhiên, đề xuất này gây lo ngại về tác động đối với nông dân trong nước, nhất là khi cuộc bầu cử mùa hè đang đến gần. Mục tiêu của hai bên là cân bằng lợi ích song phương trong khi vẫn lưu ý đến các nhạy cảm chính trị nội bộ của Nhật Bản.

Để giải quyết tình trạng thiếu hụt và giá gạo tăng cao trong nước, Nhật Bản đang chuẩn bị nhập khẩu gạo Hàn Quốc lần đầu tiên sau 35 năm. Khoảng thiếu hụt 200.000 tấn đã khiến người tiêu dùng phải tìm đến các lựa chọn thay thế, và gạo Hàn Quốc — có chất lượng và độ dẻo tương tự gạo Nhật, đã nhanh chóng được bán hết trong đợt nhập thử nghiệm. Dù truyền thống lâu nay người Nhật ưu tiên gạo nội địa, thành công của lô hàng thử nghiệm cho thấy nhu cầu nhập khẩu có thể tiếp tục. Dự kiến nhu cầu sẽ giảm khi Nhật Bản bổ sung kho

dự trữ khẩn cấp, nhưng các nhà sản xuất Hàn Quốc vẫn lạc quan bất chấp những thách thức liên quan đến chi phí vận chuyển và thuế quan.

Giá gạo tại Nhật Bản tiếp tục tăng trong 16 tuần liên tiếp, hiện đã gấp đôi so với năm trước, dù chính phủ đã cố gắng bình ổn bằng cách tung gạo dự trữ khẩn cấp ra thị trường. Tính đến ngày 20 tháng 4, giá gạo trung bình đạt 4.220 yên (khoảng 29,38 USD)/5 kg. Đà tăng kéo dài này đã thúc đẩy các công ty tư nhân tăng mạnh lượng gạo nhập khẩu, ngay cả khi phải chịu mức thuế cao. Dự báo lượng nhập khẩu có thể đạt ít nhất 45.000 tấn trong năm nay, tăng mạnh so với 1.500 tấn của năm trước. Theo nghĩa vụ WTO, Nhật Bản được phép nhập 100.000 tấn gạo miễn thuế mỗi năm cho mục đích tiêu dùng, song các doanh nghiệp hiện đang tìm cách nhập nhiều hơn ngoài hạn ngạch này vì giá trong nước tăng quá nhanh.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, Bộ Tài chính Nhật Bản đề xuất mở rộng hạn ngạch nhập khẩu gạo miễn thuế theo hệ thống Tiếp cận Tối thiểu (Minimum Access – MA) nhằm ứng phó tình trạng giá tăng và thiếu hụt nghiêm trọng. Hiện mỗi năm Nhật Bản nhập khẩu 770.000 tấn gạo không thuế, nhưng chỉ có 100.000 tấn trong số đó dành cho tiêu dùng trực tiếp. Bộ Tài chính muốn tăng phần này để bình ổn thị trường và giảm áp lực tài chính, do các biện pháp hiện tại như xả gạo dự trữ và nhập khẩu tư nhân với chi phí cao đều không mang lại hiệu quả rõ rệt. Đề xuất còn bao gồm việc hợp nhất kho dự trữ gạo của chính phủ và tư nhân nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và giảm chi phí.

## **ÚC**

USDA dự báo sản lượng gạo xay xát của Úc sẽ giảm mạnh 39%, xuống còn 230.000 tấn trong niên vụ 2025/26, do diện tích tưới tiêu giảm đáng kể vì thiếu nước sau bốn năm liên có năng suất cao. Diện tích thu hoạch dự kiến giảm xuống 30.000 ha, trong khi năng suất duy trì ổn định. Mặc dù sản xuất giảm, nhu cầu tiêu thụ trong nước được dự báo tăng 2,4% lên 420.000 tấn, nhờ tăng trưởng dân số mạnh, đặc biệt là do nhập cư. Xuất khẩu dự kiến giảm 26% xuống còn 170.000 tấn, trong khi nhập khẩu tăng nhẹ lên 270.000 tấn, được hỗ trợ bởi lượng tồn kho còn lại từ niên vụ 2024/25. Tồn kho cuối kỳ được dự báo giảm xuống còn 177.000 tấn, thấp hơn 34% so với năm trước, do sản lượng sụt giảm trong khi nhu cầu nội địa vẫn ổn định.

## **TRUNG ĐÔNG:**

Theo dự báo USDA, nhập khẩu gạo của UAE trong niên vụ 2025/26 sẽ tăng 2,6%, đạt 975.000 tấn. Mức tăng này được thúc đẩy bởi tăng trưởng kinh tế, gia tăng dân số, mở rộng du lịch và chính sách duy trì dự trữ lương thực chiến lược. Do không có sản xuất lúa gạo trong nước vì khan hiếm nước, tiêu thụ gạo

dự kiến cũng tăng 2,5% lên 1 triệu tấn, chủ yếu nhờ nhu cầu đối với gạo basmati của cộng đồng người Ấn Độ và Pakistan sinh sống tại UAE. Tồn kho cuối kỳ được dự báo giảm 11% xuống 200.000 tấn. UAE không xuất khẩu gạo, ngoài một số lô hàng tái xuất. Để bảo vệ người tiêu dùng, chính phủ đã áp dụng biện pháp đóng băng giá gạo trong 6 tháng và kiểm soát các đợt tăng giá trong tương lai.

### **MỸ LATIN:**

Giá gạo xuất khẩu: Uruguay, Argentina và Brazil đều ghi nhận giá gạo 5% giảm mạnh so với tháng trước và cùng kỳ năm ngoái, phản ánh xu hướng giá toàn cầu hạ nhiệt.

**Uruguay**, sản lượng niên vụ 2025/26 giảm 3% do diện tích trồng thu hẹp. Xuất khẩu duy trì 985.000 tấn, trong khi tiêu thụ ổn định và tồn kho không đổi.

**Argentina**, diện tích trồng giảm 12%, sản lượng giảm theo. Xuất khẩu dự báo giảm 10%, tồn kho tăng do nhu cầu yếu và sản lượng thấp.

**Brazil**, sản lượng 2025 tăng mạnh (12–15%) nhờ diện tích và năng suất đều cải thiện. Tồn kho tăng gần 15%, nguồn cung trong nước rất dồi dào. Triển vọng 2025/26 tiếp tục tích cực dù chi phí sản xuất cao.

**Haiti**, sản lượng tăng 6% nhưng vẫn thấp. Nhập khẩu chiếm phần lớn nhu cầu (515.000 tấn), với Mỹ là nhà cung cấp chính.

**Colombia**, sản lượng 2024 cao hơn trung bình 5 năm, nhưng triển vọng 2025 giảm do mưa kéo dài và giá thấp. Nhập khẩu dưới mức trung bình nhờ nguồn cung nội địa lớn.

**Paraguay**, sản lượng 2025/26 dự báo đạt gần mức cao kỷ lục nhờ diện tích trồng mở rộng. Tồn kho tăng do xuất khẩu chậm lại trong bối cảnh giá toàn cầu giảm.

**Honduras**, sản lượng giảm, diện tích tiếp tục thu hẹp. Nhập khẩu dự báo tăng 15% để bù đắp thiếu hụt.

**Ecuador**, gieo trồng bị trì hoãn bởi lũ đầu vụ nhưng sản lượng duy trì trên mức trung bình nhờ vụ 2024 mạnh. Niên vụ 2025/26 dự báo đạt 1,5 triệu tấn, diện tích ổn định.

**Venezuela**, sản lượng tăng nhẹ (+4%) nhờ hỗ trợ đầu tư. Nhập khẩu vẫn chiếm hơn nửa nhu cầu nội địa.

**Guatemala**, sản lượng giảm 6,7% do hạn hán và giống kém chất lượng. Nhập khẩu tăng (125.000 tấn), với Mỹ chiếm hơn 80% thị phần.

**Dominican Republic**, sản lượng tăng nhờ cơ giới hóa và cải thiện kỹ thuật canh tác.

**Hoa Kỳ**, giá gạo 4% tằm kết thúc tháng 4 ở mức khoảng 673 USD/tấn, giảm 5 USD so với tháng trước và giảm 129 USD so với cùng kỳ năm trước.

Theo USDA, diện tích gieo trồng lúa của Hoa Kỳ năm 2025 dự kiến đạt 2,90 triệu mẫu, giảm 1% so với 2024. Arkansas – bang sản xuất gạo hạt dài lớn nhất, dự kiến giảm 1% diện tích lúa hạt dài nhưng tăng 20% diện tích lúa hạt trung bình. Trong khi đó, California cắt giảm diện tích lúa hạt trung bình 2% và lúa hạt ngắn 7%. Năng suất dự báo đạt 7.748 pound/mẫu, giảm nhẹ so với năm 2024, đưa sản lượng lúa cả nước về mức 10,08 triệu tấn. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đáng kể đến cấu trúc thị trường gạo Hoa Kỳ.

Trong báo cáo tồn kho tháng 3/2025, USDA ghi nhận tổng tồn kho lúa thô giảm 4% so với cùng kỳ, xuống còn 101 triệu cwt. Trong đó, 18,7 triệu cwt tồn kho tại nông trại và 82,4 triệu cwt ngoài nông trại. Gạo hạt dài chiếm 67% tổng tồn kho, gạo hạt trung bình 32% và gạo hạt ngắn 1%. Tồn kho gạo xay đạt 6,26 triệu cwt, giảm 5% so với năm trước, gồm 4,17 triệu cwt gạo nguyên hạt và 2,09 triệu cwt gạo tằm.

Trong tuần kết thúc ngày 25/4/2024, USDA báo cáo lượng bán hàng xuất khẩu ròng đạt 12.700 tấn cho niên vụ 2024/25. Nhật Bản mua thêm 7.200 tấn, Mexico 3.000 tấn, Canada 1.100 tấn, Bỉ 500 tấn và American Samoa 100 tấn. Xuất khẩu thực tế đạt 20.100 tấn, gồm Nhật Bản (9.800 tấn), Mexico (3.700 tấn), Canada (2.700 tấn), Ả Rập Xê Út (1.000 tấn) và Đài Loan (1.000 tấn).

### **CHÂU ÂU:**

Tính đến ngày 27/4/2025 của niên vụ 2024/25, nhập khẩu gạo của EU tăng mạnh khoảng 20% so với cùng kỳ, đạt 977.931 tấn gạo, trong khi xuất khẩu giảm khoảng 40%, xuống 129.652 tấn. Phần lớn lượng nhập khẩu là gạo và gạo xay dổi (690.715 tấn), trong đó gạo indica chiếm ưu thế (868.707 tấn). Các nguồn cung chính gồm Campuchia, Miến Điện, Thái Lan, Ấn Độ và Pakistan. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu gạo của EU – chủ yếu là gạo/ gạo xay dổi (103.514 tấn) – tập trung vào Vương quốc Anh, tiếp theo là Belarus, Thụy Sĩ, Na Uy và Úc, với gạo japonica chiếm tỷ trọng lớn.

### **CHÂU PHI:**

USDA dự báo ngành gạo **Senegal** trong niên vụ 2025/26 có sự phục hồi vừa phải, với diện tích thu hoạch và sản lượng gạo đều tăng 7%, đạt 645.000 tấn. Mức tăng này đến từ việc cải thiện khả năng tiếp cận đầu vào, phục hồi đất canh tác và hỗ trợ của chính phủ. Tiêu thụ dự kiến tăng 2% lên 2,26 triệu tấn

nhờ tăng dân số và nguồn cung tốt hơn. Tuy nhiên, sản xuất nội địa vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu, buộc Senegal phải tăng nhập khẩu lên 1,66 triệu tấn (tăng 7%), chủ yếu là gạo tấm giá rẻ từ Ấn Độ. Mặc dù sản lượng tăng, xuất khẩu dự kiến giảm 37,5% xuống 50.000 tấn do nguồn cung hạn chế, trong khi tồn kho cuối kỳ duy trì ở mức 200.000 tấn phù hợp với mục tiêu an ninh lương thực.

Tại **Bờ Biển Ngà**, USDA dự báo sản lượng gạo niên vụ 2025/26 tăng 6,7%, đạt 1,6 triệu tấn, nhờ mở rộng diện tích, năng suất cải thiện và sự hỗ trợ mạnh từ chính phủ thông qua trợ cấp, tưới tiêu và cơ giới hóa theo kế hoạch SNGR 2024–2030. Tiêu thụ dự kiến tăng 3% lên 2,95 triệu tấn do tăng dân số và thay đổi thói quen tiêu dùng. Nhập khẩu được dự báo giảm nhẹ xuống 1,6 triệu tấn nhờ sản xuất và năng lực xay xát cải thiện, mặc dù nước này vẫn chưa tiến gần đến tự chủ. Tồn kho cuối kỳ dự kiến tăng 34% lên 849.000 tấn do lượng chuyển tồn lớn và tốc độ phân phối trong nước chậm. Nhập khẩu gạo chịu ảnh hưởng bởi thuế quan ECOWAS, thuế VAT 18% và nhiều loại phí khu vực khác.

FAO cho biết việc gieo trồng lúa và ngô tại miền Nam **Nigeria** đã bắt đầu, trong khi khu vực miền Trung và miền Bắc dự kiến gieo từ giữa tháng 4 đến tháng 7 tùy điều kiện khí hậu. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp tiếp tục gặp khó khăn do xung đột, chi phí đầu vào cao, thiếu tín dụng và dự báo lượng mưa dưới trung bình. Năm 2024, sản lượng ngũ cốc của Nigeria đạt khoảng 28,5 triệu tấn, thấp hơn 3% so với trung bình năm năm. Dù lạm phát lương thực giảm từ 39,8% (tháng 12/2024) xuống 23,5% (tháng 2/2025), tình trạng mất an ninh lương thực vẫn nghiêm trọng với 25,1 triệu người bị ảnh hưởng, có thể tăng lên 33,2 triệu người trong mùa giáp hạt 2025.

USDA dự báo sản lượng gạo **Tanzania** niên vụ 2025/26 đạt 2,35 triệu tấn, tăng 6% so với năm trước nhờ thời tiết thuận lợi, áp dụng kỹ thuật canh tác tốt hơn và mở rộng diện tích. Tiêu thụ dự kiến tăng lên 2,65 triệu tấn, trong khi nhập khẩu giảm xuống 80.000 tấn nhờ sản xuất trong nước dồi dào. Xuất khẩu được dự báo tăng lên 200.000 tấn nhờ nhu cầu cao từ Rwanda, Burundi và CHDC Congo. Tồn kho cuối kỳ được dự báo giảm xuống 90.000 tấn do tiêu thụ và xuất khẩu tăng.

Tại **Ghana**, USDA dự báo sản lượng gạo 2025/26 tăng 18% lên 900.000 tấn nhờ thời tiết thuận lợi, chiến lược canh tác cải thiện và giá thóc cao. Diện tích thu hoạch dự kiến tăng 14% lên 360.000 ha. Tiêu thụ dự kiến tăng 3% lên 1,8 triệu tấn, trong khi nhập khẩu tăng 5% lên 1 triệu tấn nhờ giá thế giới thấp và dỡ bỏ một số loại thuế. Tồn kho cuối kỳ dự kiến tăng 36% lên 381.000 tấn nhờ sản lượng và nhập khẩu cao hơn.

**Mozambique**, nhập khẩu gạo năm 2024 đạt mức kỷ lục 441 triệu USD, tăng 38,8% so với năm 2023, do sản xuất nội địa giảm mạnh 34% xuống còn 161.829 tấn. Hai tỉnh Zambézia và Gaza là khu vực có sản xuất lớn nhất, nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu, khiến nước này phải tăng mạnh nhập khẩu.

## **5. Thông tin thầu:**

### **Hàn Quốc:**

Tập đoàn Thương mại Nông-Thủy sản và Thực phẩm (KAFTC) của Hàn Quốc đã mua khoảng 34.632 tấn gạo tẻ hạt trung từ Hoa Kỳ và Thái Lan trong phiên đấu thầu quốc tế kết thúc ngày 11/3/2025. Trong đó, 33.332 tấn đến từ Hoa Kỳ với các mức giá và thời gian giao hàng khác nhau, và 1.300 tấn từ Thái Lan với giá 579,91 USD/tấn, dự kiến giao trong tháng 6. Gói thầu ban đầu tìm mua 101.000 tấn từ nhiều nguồn, gồm Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam. Sau phiên đấu thầu này, KAFTC đã mở một gói thầu mới để nhập khoảng 80.351 tấn gạo từ các nước như Hoa Kỳ, Úc, Việt Nam và Thái Lan. Thời hạn nộp giá là 3 giờ chiều (giờ Hàn Quốc) ngày 15/4/2025 và đấu thầu điện tử sẽ diễn ra vào ngày hôm sau. Gạo dự kiến được giao trong khoảng thời gian từ 1/8/2025 đến 31/1/2026. Kết quả của gói thầu mới hiện vẫn đang chờ công bố.

### **Bangladesh:**

Cơ quan thu mua ngũ cốc của Bangladesh đã nhận được mức giá chào thấp nhất từ Công ty Pattabhi Agro Foods (Ấn Độ) trong phiên đấu thầu nhập khẩu gạo kết thúc ngày 10/4/2025. Mức chào thấp nhất là 394,77 USD/tấn theo điều kiện CIF liner-out (bao gồm chi phí dỡ hàng). Các mức giá chào vẫn đang được xem xét và chưa có quyết định mua hàng cuối cùng. Gói thầu nhằm nhập khẩu 50.000 tấn gạo, trong bối cảnh lũ lụt nghiêm trọng đã phá hủy khoảng 1,1 triệu tấn lúa tại Bangladesh, buộc chính phủ phải nhập khẩu để đảm bảo nguồn cung và ổn định giá cả thị trường.

## **III. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:** (Nguồn: [www.xe.com](http://www.xe.com))

<b>Ngoại tệ</b>	<b>Thấp nhất</b>	<b>Cao nhất</b>	<b>Bình quân</b>
Yuan Trung Quốc (CNY)	7,27	7,34	7,29
Euro (USD/Euro)	0,87	0,93	0,89
Rupiah Indonesia (IDR)	16587,52	16954,22	16807,66
Malaysian Ringgit (MYR)	4,32	4,50	4,41
Philippines Peso (PHP)	55,84	57,44	56,79
South Korean Won (KPW)	1415,64	1480,01	1440,26

Yen Nhật Bản (JPY)	140,82	149,99	144,13
Rupee Ấn Độ (INR)	84,61	86,70	85,57
Burmese Kyat (MMK)	2099,11	2099,79	2099,46
Pakistan Rupees (PKR)	279,63	281,40	280,65
Baht Thái Lan (THB)	33,08	34,85	33,74
Vietnamese Dong (VND)	25640,75	26029,51	25880,63

## **B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**

### **I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:**

#### **1. Kết quả xuất khẩu:**

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/04 đến 30/04/2025 đạt 1.119.132 tấn, trị giá 560,226 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng tăng 11,71% và về trị giá giảm 9,59%%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến 30/04/2025 đạt **3,428 triệu tấn**, trị giá **1,765 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2024 tăng 8,11% về số lượng và giảm 13,34% về trị giá.

\* Thị trường xuất khẩu 04 tháng đầu năm 2025:

<b>Thị Trường</b>	<b>Số lượng (tấn)</b>	<b>Trị giá (USD/tấn)</b>	<b>Chiếm (%)</b>
Philippines	1.488.532	731.454.133	43,41%
Ivory Coast	440.961	210.685.140	12,86%
China	361.579	182.635.718	10,55%
Ghana	304.409	174.986.869	8,88%
Malaysia	135.151	73.058.029	3,94%
Bangladesh	104.679	49.711.216	3,05%
Senegal	82.139	25.675.400	2,40%
Cuba	60.060	32.052.821	1,75%
Singapore	54.649	32.119.504	1,59%
Mozambique	25.124	15.317.936	0,73%
Turkey	23.405	14.221.105	0,68%
Hongkong	19.927	12.438.128	0,58%
United Arab Emirates	16.614	10.790.332	0,48%
Indonesia	16.347	7.343.339	0,48%
Campuchia	16.020	10.253.673	0,47%
Saudi Arabia	12.261	8.415.557	0,36%
Australia	11.894	9.306.192	0,35%
United States of America	11.785	10.544.224	0,34%
Taiwan	7.803	4.472.320	0,23%
Poland	4.618	3.578.736	0,13%
Netherlands	4.339	3.408.167	0,13%

Chile	3.168	1.956.575	0,09%
South Africa	2.722	1.808.417	0,08%
Russia	2.121	1.390.870	0,06%
France	1.543	1.260.553	0,05%
Tanzania	1.040	668.200	0,03%
Spain	811	560.041	0,02%
Ukraine	295	232.709	0,01%
Angola	248	142.252	0,01%
Iraq	101	82.366	0,00%
Belgium	54	44.712	0,00%
Brunei	22	21.840	0,00%
<i>Các nước khác</i>	<i>214.439</i>	<i>135.118.950</i>	<i>6,25%</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.428.860</b>	<b>1.765.756.024</b>	<b>100,00%</b>

## 2. Bảng tàu xếp hàng:

Từ ngày 01/04 – 30/04/2025 có 53 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Tho xếp hàng với số lượng dự kiến 404.210 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Đông Phú	HCM	02/04/2025	12.500	Philippines
2	Lucky Star 6	HCM	02/04/2025	7.300	Philippines
3	Mr Pepper	HCM	02/04/2025	7.300	Philippines
4	Royal 16	HCM	02/04/2025	5.000	Philippines
5	An Thịnh Phú 08	HCM	04/04/2025	6.300	Philippines
6	Hà Đông	HCM	04/04/2025	4.000	Philippines
7	New Hope	HCM	05/04/2025	10.500	Philippines
8	Star 16	HCM	05/04/2025	5.700	Philippines
9	Crown Gold	HCM	06/04/2025	8.200	Philippines
10	Green Bay	HCM	07/04/2025	3.800	Philippines
11	Kiến Hưng	HCM	07/04/2025	3.320	Philippines
12	Royal 89	HCM	07/04/2025	5.050	Philippines
13	Hải Âu 58	HCM	08/04/2025	3.800	Philippines
14	Quang Minh 29	HCM	08/04/2025	5.400	Malaysia
15	Anasa	HCM	09/04/2025	48.650	Châu Phi
16	CS Vanguard	HCM	09/04/2025	11.000	Hàn Quốc
17	Tân An Confidence	HCM	09/04/2025	6.750	Philippines
18	Hoàng Hải Star	HCM	10/04/2025	3.650	Philippines
19	Vinh Quang Green	HCM	10/04/2025	4.750	Philippines
20	Gulf Diamond	HCM	11/04/2025	33.590	Châu Phi

**SỐ 58 - THÁNG 04/2025**

21	Hoàng Triều 68	HCM	11/04/2025	6.600	Philippines
22	Mekong	HCM	11/04/2025	4.100	Philippines
23	Vosco Sunrise	HCM	11/04/2025	45.000	Châu Phi
24	Hòa Bình 54	HCM	12/04/2025	4.850	Philippines
25	Quang Minh 18	HCM	13/04/2025	4.150	Philippines
26	Tân An 01	HCM	13/04/2025	4.750	Philippines
27	Seagull 09	HCM	15/04/2025	4.850	Philippines
28	Đông Thịnh	HCM	16/04/2025	6.800	Philippines
29	Green Ocean	Mỹ Thới	16/04/2025	4.800	Philippines
30	Oriental Bay	HCM	16/04/2025	4.650	Philippines
31	Tân An Honesty	HCM	16/04/2025	4.050	Philippines
32	Vinh Quang 379	HCM	16/04/2025	3.800	Philippines
33	TTC Hải Phong	HCM	17/04/2025	6.200	Philippines
34	Vinh Quang Sky	HCM	18/04/2025	4.600	Philippines
35	VTV Sky	HCM	18/04/2025	6.000	Philippines
36	Green Island	HCM	19/04/2025	4.000	Philippines
37	Star 56	HCM	20/04/2025	3.200	Philippines
38	TLC 01	HCM	20/04/2025	6.100	Philippines
39	Vinacomin Hạ Long	HCM	20/04/2025	7.400	Philippines
40	Nasico Eagle	HCM	21/04/2025	6.350	Philippines
41	Vinacomin Hà Nội	HCM	21/04/2025	7.400	Philippines
42	Royal 18	HCM	22/04/2025	5.050	Philippines
43	Thái Bình 39	HCM	22/04/2025	4.800	Philippines
44	Vinh Quang Glory	HCM	22/04/2025	3.000	Philippines
45	Hòa Bình 09	HCM	23/04/2025	6.450	Philippines
46	Quang Minh 9	HCM	23/04/2025	4.900	Philippines
47	TTC Vĩnh An	HCM	23/04/2025	6.000	Philippines
48	Tân An Advance	HCM	24/04/2025	6.500	Philippines
49	Tân An Honesty	HCM	25/04/2025	4.050	Philippines
50	Mekong Star	Mỹ Thới	27/04/2025	2.950	Philippines
51	Tân An Endeavor	HCM	27/04/2025	4.750	Philippines
52	Future Gold	HCM	28/04/2025	6.750	Philippines
53	Vinh Quang Sun	HCM	28/04/2025	2.800	Philippines
<b>Tổng</b>				<b>404.210</b>	

**II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:****1. Tiến độ sản xuất:**

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

\* Tính đến ngày 30/04/2025:

+ Vụ Đông Xuân 2024-2025 đã xuống giống được 1,508 triệu ha đạt 101,2% diện tích kế hoạch, thu hoạch 1,480 triệu ha với năng suất 72,17 tạ/ha, sản lượng đạt 10,683 triệu tấn lúa.

+ Vụ Thu Hè Thu 2025: xuống giống được 915 ngàn ha/1,470 triệu ha diện tích kế hoạch, thu hoạch được 37 ngàn ha với năng suất khoảng 69,57 tạ/ha, sản lượng ước đạt 254 ngàn tấn lúa.

**2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:**

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T4/2025	So với T4/2024
<b><u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u></b>					
Hạt dài	7.050	5.950	6.413	+398	-1.611
Lúa thường	5.950	5.550	5.808	+319	-2.046
<b><u>Lúa Khô/ Ướt Tại Kho</u></b>					
Hạt dài	8.750	7.250	7.721	+471	-1.855
Lúa thường	7.550	6.650	7.116	+418	-2.184
<b><u>Gạo Nguyên Liệu</u></b>					
Lứt loại 1	10.300	8.050	9.495	+807	-2.109
Lứt loại 2	8.250	7.650	8.072	-60	-3.237
Xát trắng loại 1	11.950	10.750	11.369	+1.049	-2.545
Xát trắng loại 2	9.600	9.250	9.369	+74	-4.164
<b><u>Phụ Phẩm</u></b>					
Tấm ½	7.650	7.050	7.371	-18	-3.286
Tấm 2/3	7.450	6.450	6.997	+641	-2.625
Tấm ¾	7.400	6.550	6.906	+165	-1.506
Cám xát	7.050	5.550	6.157	+491	+1.023
Cám lau	7.050	5.550	6.159	+493	+1.032
<b><u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u></b>					
Gạo trắng 5% tấm	11.300	9.500	10.088	-166	-3.869
Gạo trắng 10% tấm	11.100	9.450	10.219	-231	-3.456
Gạo trắng 15% tấm	10.900	9.300	9.874	-151	-3.828
Gạo trắng 20% tấm	10.600	10.300	10.450	-500	-2.725
Gạo trắng 25% tấm	9.600	8.750	9.168	+9	-4.230

\*\*\*